

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 100/2017/DS-ST

Ngày 27-9-2017

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng
và yêu cầu tuyên Hợp đồng thế chấp
vô hiệu”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Việt Thống.
2. Ông Hoàng Văn Mầm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My, là thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị H2 - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 301/2016/TLST-DS ngày 23-6-2016 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” và thụ lý đơn yêu cầu độc lập ngày 27-4-2017 về việc “Yêu cầu tuyên Hợp đồng thế chấp vô hiệu”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 116/2017/QĐXX-ST ngày 21-8-2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 113 ngày 07-9-2017 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ngân hàng N;

Địa chỉ: Phường T, quận B, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K;

Người đại diện ký đơn khởi kiện theo ủy quyền:

Ông Lê Văn M - Phó Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk;

Địa chỉ: Phường T, thành phố Buôn Ma Thuột;

Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Trọng N – Phó Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk, (có mặt);

*** Bị đơn:**

1. Ông Phạm Sĩ C, sinh năm 1965, (vắng mặt);

2. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1969, (vắng mặt);

Địa chỉ: Phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Phạm Thị Minh H1, SN1991, (vắng mặt);

2. Chị Phạm Thị Mai H2, SN1992, (vắng mặt);

Địa chỉ: phường K, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

*** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Phạm Thị H3, sinh năm 1964, (có mặt);

Địa chỉ: Đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 09-5-2016 và các lời khai tại Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, đại diện nguyên đơn trình bày:**

Ngày 22/3/2012 ông Phạm Sĩ C và bà Phạm Thị L có ký kết hợp đồng tín dụng số 5200LAV201203412 với Ngân hàng N - Chi nhánh Đắk Lắk- phòng giao dịch T (phòng giao dịch T nay sát nhập vào chi nhánh L), (sau đây gọi tắt là Ngân hàng N - Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk), để vay số tiền: 160.000.000đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

- Thời hạn vay: 12 tháng;

- Kỳ hạn trả nợ gốc: 22/3/2013;

- PH1 thức trả lãi: Trả 1 lần theo nợ gốc;

- Lãi suất trong hạn: 20%/năm;

- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn;

- Mục đích vay: Chăn nuôi bò, dê và mua đồ dùng gia đình;

Khoản vay nói trên được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, thửa đất số 96, tờ bản đồ số 8, diện tích là 308,6m², địa chỉ thửa đất: Tại phường K, thành phố Buôn Ma Thuột, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BB824145 do Ủy ban nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 30/8/2010, đứng tên hộ ông Phạm Sĩ C và bà Phạm Thị L, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: D019/2012/HĐTC ngày 21/3/2012. Việc thế chấp đã được cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực.

Thời gian kể từ khi vay vốn đến nay, ông C và bà L chưa thanh toán cho Ngân hàng N - Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk được bất kỳ một khoản nào (kể cả gốc và lãi). Nay khoản nợ trên mặc dù quá hạn đã lâu, Ngân hàng đã làm việc nhiều lần để ông

C và bà L có trách nhiệm trả nợ, nhưng ông C và bà L vẫn không chịu trả. Do vậy, Ngân hàng N - Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk, khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C và bà L có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền 275.568.889 đồng cụ thể như sau:

- Nợ gốc là 160.000.000đồng;
- Lãi tạm tính đến hết ngày 1/8/2017 là 115.568.889đồng (trong đó lãi trong hạn là 103.444.444đồng, lãi quá hạn là 12.124.444đồng);
- Tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: 5200LAV201203412 từ ngày 2/8/2017 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trong trường hợp bị đơn không có khả năng thanh toán nợ, thì yêu cầu cơ quan Pháp luật xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi công nợ.

* Đối với yêu cầu khởi kiện của chị H2 và chị H1, Ngân hàng có ý kiến như sau: Việc ký kết HĐ thế chấp tài sản, Ngân hàng đã làm đúng quy trình và thực tế vào thời điểm thế chấp chị H1 và chị H2 đang còn nhỏ, nên không có công sức đóng góp gì trong đó. Ngân hàng không chấp nhận yêu cầu của hai chị, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của Pháp luật.

**** Tại bản tự khai và các lời khai tại Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:***

Nội dung như nguyên đơn khai trên là đúng sự thật. Tuy nhiên, do điều kiện hoàn cảnh kinh tế của gia đình bị đơn đang gặp rất nhiều khó khăn, chưa có khả năng trả nợ, nên xin ngân hàng cho thêm thời gian để bị đơn bán tài sản sẽ trả hết số nợ gốc 160.000.000 đồng còn lãi suất, thì xin Ngân hàng miễn cho gia đình bị đơn.

Đối với yêu cầu độc lập của cháu Phạm Thị Mai H1 và cháu Phạm Thị Minh H2 thì bị đơn có ý kiến như sau: Do bị đơn không biết có việc phải đưa các con vào ký kết hợp đồng thế chấp, nên không hỏi ý kiến của con. Trong khi đó tài sản thế chấp cho Ngân hàng là tài sản của ông bà để lại. Tuy nhiên, vào thời điểm đó cháu H1 và cháu H2 đang còn nhỏ chưa có công sức đóng góp gì vào khối tài sản trên, nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Bà Phạm Thị H3 là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có yêu cầu độc lập trình bày:***

Việc ông C, bà L ký Hợp đồng thế chấp tài sản để vay vốn các chị hoàn toàn không biết. Các chị xác định: Tài sản thế chấp này là tài sản chung của hộ gia đình, trong đó có quyền lợi của các chị. Do đó, chị H2 và chị H1 nghĩ rằng: HĐ thế chấp chưa có chữ ký đồng ý của các chị là không có giá trị pháp lý nên các chị có đơn yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng thế chấp số D019/2012/HĐTC ký ngày 21/3/2012 vô hiệu. Tuy nhiên, theo quan điểm của bà thì thấy rằng: Các chị chưa có đóng góp được gì vào khối tài sản trên, nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

****Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng hai bên đương sự không thống nhất, thỏa thuận được với nhau, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa.***

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột:***

****Về trình tự thủ tục tố tụng:***

Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và các thành viên Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 26;35;48;170;171;196;203;220 Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70;71;72;73 Bộ luật tố tụng dân sự;

****Về nội dung vụ án:***

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Áp dụng các Điều 471; 474; 476; 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 2 Luật tổ chức tín dụng; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay là 160.000.000đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật;

Xét yêu cầu độc lập của chị Phạm Thị Mai H1 và Phạm Thị Minh H2 là không có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận;

****Về án phí:***

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**** Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả cuộc thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1]* Về tố tụng:

- Đây là vụ án: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và “Yêu cầu tuyên Hợp đồng thế chấp vô hiệu”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 342; 471; 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Mặc dù, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đã được Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tổng đạt giấy triệu tập đương sự hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt. Áp dụng Điều

227; khoản 2 Điều 228; khoản 1 Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ, theo thủ tục quy định chung.

[2]* Về nội dung tranh chấp:

[2.1] *Xét, về trình tự thủ tục ký kết Hợp đồng tín dụng số: 5200LAV201203412 giữa ông Phạm Sĩ C và bà Phạm Thị L với Ngân hàng N - Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk, đề ngày 22/3/2012 hai bên đã thực hiện theo đúng quy định chung, như vậy là phù hợp về mặt hình thức.

[2.2] *Xét, về nội dung của Hợp đồng: Kể từ khi bị đơn vay và nhận của nguyên đơn số tiền = 160.000.000đồng cho đến nay, thời gian quá hạn đã lâu nhưng bị đơn vẫn không chịu trả. Do vậy, Ngân hàng N - Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk, khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc (bị đơn) ông C và bà L có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn gồm các khoản cụ thể như sau:

- Nợ gốc là 160.000.000đồng;
- Lãi tạm tính đến hết ngày 1/8/2017 là 115.568.889đồng (trong đó lãi trong hạn là 103.444.444đồng, lãi quá hạn là 12.124.444đồng);
- Tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: 5200LAV201203412 từ ngày 2/8/2017 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở, C buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn các khoản nợ trên là phù hợp với quy định tại Điều 471; 474; 476 BLDS năm 2005.

[2.3] *Xét về tài sản thế chấp: Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cũng như tại Chi nhánh Văn phòng quản lý đất đai Thành phố B, đã cho thấy: Nguồn gốc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 8, diện tích là 308,6m², tại phường K, thành phố B, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BB824145 do Ủy ban nhân dân Thành phố B cấp ngày 30/8/2010, đứng tên hộ ông Phạm Sĩ C và bà Phạm Thị L là do bà Nguyễn Thị K tặng cho cá nhân ông C và bà L, trong Hợp đồng được tặng cho không có tên của các con ông C, bà L. Tài sản trên đất có căn nhà xây cấp 4 là do ông C, bà L xây dựng vào năm 2006 (Bút lục 63).

Mặt khác, vào thời điểm hai bên (nguyên đơn và bị đơn) xác lập Hợp đồng thế chấp tài sản, thì chị H2 và chị H1 mới được 19, 20 tuổi đang còn ăn học nên chưa có đóng góp được gì vào khối tài sản đã thế chấp. Do đó, xét yêu cầu độc lập của chị H2 và chị H1 về việc: “Yêu cầu tuyên Hợp đồng thế chấp vô hiệu”, là không có cơ sở. Nên không chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Phạm Thị Minh H2 và chị Phạm Thị Mai H1.

[2.4] *Xét, về trình tự thủ tục ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: D019/2012/HĐTC ngày 21/3/2012, đã được hai bên thực hiện bằng sự tự nguyện, đồng thời cũng đã được cơ quan có thẩm quyền Công

chứng, Chứng thực và trước khi khởi kiện các bên đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 343 và Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do vậy, trong trường hợp ông Phạm Sĩ C và bà Phạm Thị L không có khả năng thanh toán nợ, thì tài sản thế chấp sẽ được xử lý theo thủ tục quy định chung.

Trong trường hợp ông Phạm Sĩ C và bà Phạm Thị L tự giác thanh toán hết nợ, thì nguyên đơn có trách nhiệm cùng bị đơn xóa thế chấp và trả lại toàn bộ giấy tờ tài sản mà bị đơn đã thế chấp cụ thể là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, thửa đất số 96, tờ bản đồ số 8, diện tích là 308,6m², địa chỉ thửa đất: Tại phường K, thành phố Buôn Ma Thuột, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BB824145 do Ủy ban nhân dân Thành phố B cấp ngày 30/8/2010, đứng tên hộ ông Phạm Sĩ C và bà Phạm Thị L.

[3] *Về chi phí tố tụng khác:

Vì bên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị H2 và chị H1) cho rằng: Nguồn gốc lô đất đã thế chấp, không phải là tài sản của mình bị đơn, mà trong đó có quyền lợi của chị H2 và chị H1, nên việc xác minh thu thập thông tin là C thiết. Do vậy, áp dụng theo điểm g, e khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành thực hiện việc này và phải chi phí 150.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0000372 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Thành phố B. Lẽ ra, theo quy định chung thì chị H2 và chị H1 phải chịu số tiền này. Tuy nhiên, bên nguyên đơn đã tự nguyện chịu chi phí khoản tiền này mà không yêu cầu bên chị H2 và chị H1 phải chịu, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] *Về án phí:

[4.1] *Do bị đơn có nghĩa vụ phải trả nợ cho nguyên đơn, nên áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, thì ông Phạm Sĩ C và bà Phạm Thị L phải chịu án phí DSST, cụ thể được tính như sau: 275.568.889 đồng x 5% = 13.778.000đồng. Tuy nhiên, do bị đơn có hoàn cảnh khó khăn và đã có đơn xin miễn giảm án phí hợp lệ, nên được xét giảm 1/3 = 4.133.000đồng, còn phải nộp chịu 9.645.000đồng.

[4.2] *Do yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị H2 và chị H1) không được chấp nhận, nên áp dụng khoản 6 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, thì chị H2 và chị H1 phải chịu án phí DSST là 300.000đồng.

- Bồi các lễ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; 145; 146; 147; khoản 2 Điều 228; khoản 1 Điều 232; Điều 235; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 471; 474; 476; Điều 342; 343 và Điều 721 Bộ Luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng khoản 2 Điều 54 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 4; Điều 56; Khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 19-12-2006 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm và điểm d,đ,e khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng, ban hành kèm theo Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam;

- Áp dụng Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

**** Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng N.***

**** Tuyên xử:***

1. Buộc ông Phạm Sĩ C và bà Phạm Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N, thông qua Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk, tổng số nợ tính đến hết ngày 1/8/2017 là: 275.568.889 đồng, gồm:

- Nợ gốc là 160.000.000đồng;

- Lãi là 115.568.889đồng (trong đó lãi trong hạn là 103.444.444đồng, lãi quá hạn là 12.124.444đồng);

- Tiếp tục tính lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 5200LAV201203412 từ ngày 2/8/2017 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

* Sau khi ông Phạm Sĩ C và bà Phạm Thị L thanh toán xong nợ, thì Ngân hàng N, thông qua Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk, có trách nhiệm xóa thế chấp và trả lại toàn bộ giấy tờ tài sản mà ông Phạm Sĩ C và bà Phạm Thị L đã thế chấp cụ thể là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, thửa đất số 96, tờ bản đồ số 8, diện tích là 308,6m², địa chỉ thửa đất: Tại phường K, thành phố B, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BB824145 do Ủy ban nhân dân Thành phố B cấp ngày 30/8/2010, đứng tên hộ ông Phạm Sĩ C và bà Phạm Thị L.

* Trong trường hợp ông Phạm Sĩ C và bà Phạm Thị L, không có khả năng thanh toán nợ, thì tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, thửa đất số 96, tờ bản đồ số 8, diện tích là 308,6m², địa chỉ thửa đất: Tại phường K, thành phố B, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BB824145 do Ủy ban nhân dân Thành phố B cấp ngày 30/8/2010, đứng tên hộ ông Phạm Sĩ C và bà Phạm

Thị L, sẽ được cơ quan Thi hành án xử lý để thu hồi nợ theo thủ tục quy định chung (khi có đơn yêu cầu của nguyên đơn).

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Phạm Thị Minh H2 và chị Phạm Thị Mai H1, về việc: “Yêu cầu tuyên Hợp đồng thế chấp vô hiệu”.

3. Về án phí:

- Buộc ông Phạm Sĩ C và bà Phạm Thị L phải chịu án phí DSST là: 9.645.000đồng (chín triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

- Buộc chị Phạm Thị Minh H2 và chị Phạm Thị Mai H1 số tiền phải chịu án phí DSST là: 300.000đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự, do Phạm Thị H3 đã nộp thay cho chị H2 và chị H1 theo biên lai số AA/2016/0000305 ngày 26-4-2017 của Thi hành án Dân sự Thành phố B.

- Hoàn trả Ngân hàng N, thông qua Chi nhánh L, tỉnh Đắk Lắk, số tiền 8.641.000đồng (tám triệu sáu trăm bốn mươi một ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự, do Võ Thanh H4 đã nộp thay theo biên lai số AA/2014/0038704 ngày 17-06-2016 của Thi hành án Dân sự Thành phố B.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

.TAND tỉnh Đắk Lắk;
.VKS TP.BMT;
.CCTHA DS TP.B;
.Các đương sự;
.Chánh án TAND TP.BMT;
.Lưu H.sơ +V.PhòngTABMT;

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị An